

**CÔNG TY TNHH DVTM SAO VIỆT D&D**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DVTM SAO VIỆT D&D

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAO VIET D&D TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SAO VIET D&D TRADING SERVICES CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110483712

**3. Ngày thành lập:** 21/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Lý Nhân, Xã Hòa Chính, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439922777

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                          | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                 | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                 | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                            | 4390        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                        | 4663        |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Khảo sát địa hình<br>- Khảo sát địa chất công trình      | 7110        |
| 7.  | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                          | 7310(Chính) |
| 8.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm dịch vụ điều tra)                                                   | 7320        |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                 | 7410        |
| 10. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                               | 2591        |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                   | 2592        |
| 12. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                    | 2593        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>(Loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội). | 2599        |

|     |                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810 |
| 15. | Cung ứng lao động tạm thời<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm<br>(Điều 14 Nghị định 23/2021/NĐ-CP)                                                               | 7820 |
| 16. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                 | 8130 |
| 17. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                               | 3320 |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                     | 4101 |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                               | 4102 |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                         | 4211 |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                          | 4212 |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                              | 4221 |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                   | 4222 |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                    | 4223 |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                     | 4229 |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                            | 4299 |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                                | 4311 |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                           | 4312 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                 | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÒ THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 14/06/1995

Dân tộc: Thái

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 011195000062

Ngày cấp: 29/07/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lý Nhân, Xã Hòa Chính, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lý Nhân, Xã Hòa Chính, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÒ THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/11/1987

Dân tộc: Thái

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 011195000062

Ngày cấp: 29/07/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lý Nhân, Xã Hòa Chính, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lý Nhân, Xã Hòa Chính, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội